

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

ST T	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						
	Tổng số	80.350.300	31.617.256	20.475.981	3.467.145	1.174.524	11.400	1.021.020	3.601.975	18.980.999	86.006.927	17.998.380	16.964.793	1.116.694	11.400	2.279.864	1.798.509	481.355	23.948.498	23.511.402	175.896	107,04%	56,93%	82,85%
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	55.560.382	31.617.256	20.475.981	3.467.145	-	-	-	-	-	37.243.037	17.998.380	16.964.793	-	-	2.279.864	1.798.509	481.355	-	-	-	67,03%	56,93%	82,85%
1	Ban An toàn giao thông thành phố	16.265		3.680	12.585						11.885		3.528			8.357		8.357						
2	Ban bồi thường - Giải phóng mặt bằng Q.Phú Nhuận										16	16				-								
3	Ban bồi thường - Giải phóng Mặt bằng Quận Thủ Đức										306	306				-								
4	Ban bồi Thường Giải phóng mặt bằng Bình Thạnh										31.889	31.889				-								
5	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện Củ Chi										68	68				-								
6	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện Hóc Môn										330.747	330.747				-								
7	Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè										16	16				-								
8	Ban bồi Thường Giải phóng mặt bằng Q.11										674	674				-								
9	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 12										10.204	10.204				-								
10	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 3										5.661	5.661				-								
11	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6										17.171	17.171				-								
12	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 8										1.874	1.874				-								
13	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9										3.701	3.701				-								
14	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Tân Bình										21.323	21.323				-								
15	Ban bồi thường GPMB quận Bình Tân.										176.807	176.807				-								
16	Ban Bồi thường GPMB Quận Tân Phú										100.277	100.277				-								
17	Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Bình Chánh										5.638	5.638				-								
18	Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ										240	240				-								
19	Ban Dân tộc	22.767		22.767							15.263	114	15.149			-								
20	Ban đối mới Quản lý doanh nghiệp	3.847		3.847							3.327		3.327			-								
21	Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh TP	258		258							258		258			-								
22	Ban quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải TP										886	886				-								
23	Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP	150.579		149.109	1470						109.752		109.752			-								
24	Ban quản lý các công trình giao thông công cộng	-			-						4.972					4.972	4.972							
25	Ban Quản lý các dự án ĐTXD Khu Công nghệ cao	30.114			30.114						315.168	285.054				30.114	30.114							
26	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố	500		500							458		458			-								
27	Ban quản lý Công viên Lịch sử - Văn hoá Dân tộc										2.454	2.454				-								
28	Ban quản lý Đầu tư dự án Vệ sinh Môi trường thành phố Hồ Chí Minh										929.189	929.189				-								
29	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam TP	13.584		13.584							12.050		12.050			-								
30	Ban quản lý Đầu tư Xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo										366.513	366.513				-								
31	Ban quản lý Đầu tư Xây dựng các Công trình thuộc Sở Y tế										269.441	269.441				-								
32	Ban quản lý Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Huyện Hóc Môn										504.867	504.867				-								
33	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Đô thị Thành phố	-		-							1.402		1.402			-								

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Dự toán					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	So sánh (%)					
						Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyên nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới						Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên					
						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên																			
34	Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Q5										2.461	2.461					-										
35	Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quận 10										118.168	118.168					-										
36	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 3										150.355	150.355					-										
37	Ban quản Lý Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 4										179.720	179.720					-										
38	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 6										67.982	67.982					-										
39	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Thạnh										164.445	164.445					-										
40	Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình Sở Lao động Thương binh và Xã hội										451.467	451.467					-										
41	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Sở Văn hóa và Thể thao										20.658	20.658					-										
42	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Điều hành Chương trình Chống ngập nước TP HCM										1.112	1.112					-										
43	Ban quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị Tây Bắc										4.822	4.822					-										
44	Ban Quản lý DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	1.765.100			1.765.100						736.732						736.732	736.732									
45	Ban quản lý DTXDCT Giao thông - Đô thị	536.700			536.700						452.449						452.449	452.449									
46	Ban quản lý DTXDCT khu vực Quận 10										50	50					-										
47	Ban quản lý DTXDCT khu vực Quận Bình Thạnh										400	400					-										
48	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Nhà Bè										207.379	207.379					-										
49	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp										2.271	2.271					-										
50	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông										1.785.341	1.785.341					-										
51	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn TPHCM										195.510	195.510					-										
52	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Sở Tài nguyên và môi trường										1.320	1.320					-										
53	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Hạ Tầng Đô Thị										1.469	1.469					-										
54	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Bình Chánh										944.178	944.178					-										
55	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Cần Giờ										739.095	739.095					-										
56	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Củ Chi										543.784	543.784					-										
57	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 11										29.096	29.096					-										
58	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 12										485.076	485.076					-										
59	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận 2										239.575	239.575					-										
60	Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7										187.320	187.320					-										
61	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 8										225.225	225.225					-										
62	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 9										246.171	246.171					-										
63	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân										739.766	739.766					-										
64	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Gò Vấp										210.775	210.775					-										
65	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận Phú Nhuận										49.489	49.489					-										
66	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Tân Bình										110.854	110.854					-										
67	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Tân Phú										130.381	130.381					-										
68	Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực quận Thủ Đức										366.608	366.608					-										
69	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quận 1										46.571	46.571					-										

ST T	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền tương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên														
70	Ban Quản lý dự án ĐTXD hạ tầng đô thị	174.276			174.276						138.978						138.978	138.978						
71	Ban quản lý dự án Vệ sinh môi trường thành phố	400.000			400.000						400.000						400.000	400.000						
72	Ban quản lý Đường sắt đô thị	65.297		1.997	63.300						622.462	587.094	103				35.265	35.265						
73	Ban quản lý Khu Công nghệ cao Tp.HCM	86.224		86.224							63.759		63.759				-							
74	Ban Quản lý Khu công viên Lịch sử - Văn hoá - Dân tộc	34.271		34.271							33.584		33.584				-							
75	Ban Quản lý Khu đô thị Tây bắc	9.756		9.756							8.824		8.824				-							
76	Ban Quản lý Khu đô thị Thủ Thiêm	14.173		14.173							12.628		12.628				-							
77	Ban quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Tp.HCM	106.887		106.887							131.096	41.069	90.027				-							
78	Ban quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ										28.171	28.171					-							
79	Ban quản lý Trung tâm thủy sản thành phố										269	269					-							
80	Ban quản lý Xây dựng Trung tâm Triển Lãm Quy Hoạch Thành phố										18.270	18.270					-							
81	Bảo hiểm xã hội Tp.HCM	47.088		47.088							677		677				-							
82	Bảo Nhân dân	-		-							-		-				-							
83	Bảo tàng Tôn Đức Thắng										200	200					-							
84	Bệnh viện An Bình										2.786	2.786					-							
85	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới										338	338					-							
86	Bệnh viện Bình Dân										32.305	32.305					-							
87	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi										38.820	38.820					-							
88	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Món										13.546	13.546					-							
89	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức										68.475	68.475					-							
90	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn										14.154	14.154					-							
91	Bệnh viện Hùng Vương										135.892	135.892					-							
92	Bệnh Viện Huyện Cần Giuộc										50	50					-							
93	Bệnh viện Nguyễn Trãi										21.357	21.357					-							
94	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương										24.281	24.281					-							
95	Bệnh viện Nhân ái										25.324	25.324					-							
96	Bệnh viện Nhân dân 115										27.793	27.793					-							
97	Bệnh viện Nhân dân Gia Định										20.474	20.474					-							
98	Bệnh viện Nhi Đồng 1										29.892	29.892					-							
99	Bệnh viện Nhi Đồng 2										100	100					-							
100	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch										13.496	13.496					-							
101	Bệnh viện phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp										19.451	19.451					-							
102	Bệnh Viện Quận 2										781	781					-							
103	Bệnh Viện Quận 8										2.927	2.927					-							
104	Bệnh Viện Quận Phú Nhuận										2.000	2.000					-							
105	Bệnh Viện Răng Hàm Mặt										47	47					-							
106	Bệnh Viện Tai Mũi Họng										6.897	6.897					-							
107	Bệnh viện Trưng Vương										19.818	19.818					-							
108	Bệnh viện Truyền máu Huyết học										15.205	15.205					-							
109	Bệnh viện Từ Dũ										58.204	58.204					-							
110	Bệnh viện Ung bướu										12.875	12.875					-							
111	Bệnh viện Y học Cổ truyền										58.427	58.427					-							
112	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	12.600		12.600							17.590		17.590				-							
113	Bộ Giao thông Vận tải										290	290					-							
114	Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh	172.514		172.514							205.649		205.649				-							
115	Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng...)										190.018	190.018					-							
116	Cảng Vu Đường Thủy Nội Địa Thành phố Hồ Chí Minh										15.307	15.307					-							
117	Chi các nội dung khác (hoàn trả các khoản thu năm trước, hỗ trợ Quỹ CNC9...)	376.882		376.882							107.630		107.630				-							
118	Chi cục Bảo vệ môi trường TPHCM										417	417					-							
119	Chi cục Chăn nuôi và Thú y										1.182	1.182					-							

ST T	Tên đơn vị	Dự toán											Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Chỉ thường xuyên	Chỉ từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chỉ trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chỉ bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chỉ dự phòng ngân sách	Chỉ tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chỉ bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Chỉ thường xuyên	Chỉ trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chỉ bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chỉ từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chỉ chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chỉ bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chỉ nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Chỉ thường xuyên	
																Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Chỉ thường xuyên							
120	Chỉ đầu tư phát triển	31.617.256	31.617.256								-						-								
121	Chỉ đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật...										620.193	620.193													
122	Chỉ hỗ trợ các địa phương trong nước, nước ngoài	165.967		165.967							69.500		69.500				-								
123	Chỉ hỗ trợ lãi suất kích cầu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp										641.490	641.490													
124	Cơ quan Thường trực của Toà án Nhân dân Tối cao tại TP (Vụ công tác phía Nam)	-		-							14		14				-								
125	Công an thành phố Hồ Chí Minh	284.125		135.149	148.976						313.585	88.079	106.332				119.174		119.174						
126	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn										327	327					-								
127	Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh điện lực Thành phố Hồ Chí Minh										103.229	103.229					-								
128	Công ty cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước										100.000	100.000					-								
129	Công ty Quản lý và khai thác dịch vụ thủy lợi	29.784		29.784							17.800		17.800				-								
130	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh										17.389	17.389					-								
131	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giò										19.003	19.003					-								
132	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Công ích quận 1										1.242	1.242					-								
133	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2										19.101	19.101					-								
134	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Công ích quận 3										132	132					-								
135	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 4										745	745					-								
136	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 5										18.160	18.160					-								
137	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 8										1.341	1.341					-								
138	Công ty TNHH một thành viên dịch vụ công ích Quận 9										20	20					-								
139	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong										3.518	3.518					-								
140	Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận										10.947	10.947					-								
141	Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Khu công nghệ cao TP.HCM										2.927	2.927					-								
142	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 10										3.314	3.314					-								
143	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Phú Nhuận										2.345	2.345					-								
144	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Tân Bình										10.977	10.977					-								
145	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công ích Quận Thủ Đức										3.720	3.720					-								
146	Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung										1.641	1.641					-								
147	Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác dịch vụ thủy lợi TP.HCM										334.248	334.248					-								
148	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích quận 6										22	22					-								
149	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà TP.HCM										5.521	5.521					-								

ST T	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
150	Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh										27.911	27.911					-								
151	Cục Hải quan	-		-							12.447		12.447				-								
152	Cục Quản lý thị trường TP	-		-							830		830				-								
153	Cục thi hành án Dân sự	2.368		2.368							2.506		2.506				-								
154	Cục Thống kê	5.360		5.360							4.930		4.930				-								
155	Cục Thuế Thành phố	-		-							4.593	36	4.557				-								
156	Đại diện Văn phòng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao tại TP	-		-							109		109				-								
157	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh										86	86					-								
158	Đại học Quốc gia TP HCM	-		-							56		56				-								
159	Đại học Sài Gòn	164.928		164.928							165.971		165.971				-								
160	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	82.526		82.526							-		-				-								
161	Đài Tiếng nói Nhân dân	46.533		46.533							74.710	34.123	40.588				-								
162	Đảng đoàn Hiệp hội doanh nghiệp	180		180							152		152				-								
163	Đội Quản Lý Nhà Quận Tân Phú										224	224					-								
164	Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố	1.815		1.815							559		559				-								
165	Học viện Cán bộ TP	12.662		12.662							19.334	12.733	6.600				-								
166	Hội Âm nhạc	7.451		7.451							7.314		7.314				-								
167	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	476		476							6.258		6.258				-								
168	Hội Chữ thập đỏ	3.477		3.477							3.490		3.490				-								
169	Hội Cựu Chiến binh Tp.HCM	7.774		7.774							7.909		7.909				-								
170	Hội Cựu Thanh niên xung phong TP	610		610							606		606				-								
171	Hội Điện ảnh	2.852		2.852							7.434		7.434				-								
172	Hội đồng Xứ lý vàng bạc	130		130							130		130				-								
173	Hội Đông y	690		690							648		648				-								
174	Hội Dược học	68		68							68		68				-								
175	Hội Khoa học, Kỹ thuật và Xây dựng	222		222							192		192				-								
176	Hội Khuyến học	889		889							892		892				-								
177	Hội Kiến trúc sư	2.379		2.379							1.424		1.424				-								
178	Hội Lâm vườn và Trang trại	269		269							273		273				-								
179	Hội Liên hiệp Phụ nữ Tp.HCM	25.440		25.440							30.403		30.403				-								
180	Hội Luật gia	1.017		1.017							1.192		1.192				-								
181	Hội Mỹ thuật	3.158		3.158							3.448		3.448				-								
182	Hội Nạn nhân Chất độc Da cam Dioxin	537		537							683		683				-								
183	Hội Nghệ sĩ múa	2.470		2.470							1.657		1.657				-								
184	Hội Người mù	4.088		4.088							4.056		4.056				-								
185	Hội Nhà báo	2.615		2.295	320						2.617		2.297				-	320	320						
186	Hội Nhà văn	2.792		2.792							2.802		2.802				-								
187	Hội Nhiếp ảnh	1.960		1.960							1.917		1.917				-								
188	Hội Nông dân Tp.HCM	17.043		17.043							13.848		13.848				-								
189	Hội Sân khấu	3.674		3.674							3.533		3.533				-								
190	Hội Sinh vật cảnh	248		248							251		251				-								
191	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số	1.954		1.954							1.509		1.509				-								
192	Hội Y học	304		304							287		287				-								
193	Kho bạc Nhà nước TP	-		-							1.296		1.296				-								
194	Khu di tích lịch sử Địa Đạo Củ Chi										26.777	26.777					-								
195	Khu điều trị Phong Bến Sắn										941	941					-								
196	Khu Quản lý Đường Thủy nội địa										26.272	26.272					-								
197	Khu Quản lý giao thông đô thị số 02										127	127					-								
198	Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 4										7.036	7.036					-								
199	Kiểm toán Nhà nước Khu vực 4	900		900							1.601		1.601				-								
200	Kinh phí bổ sung có mục tiêu (giao về Ủy ban nhân dân các quận huyện thực hiện)	10.023			10.023						-						-								
201	Kinh phí CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu	400			400						-						-								
202	Kinh phí dự phòng bổ trí tại các lĩnh vực	1.704.348		1.704.348							-						-								
203	Liên đoàn Lao động TP	-		-							313		313				-								
204	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật	6.855		6.855							4.764		4.764				-								

ST T	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						
205	Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật	11.155		9.720	1.435						10.916		10.321			596		596						
206	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị	5.944		5.944							6.063		6.063			-								
207	Liên minh Hợp tác xã	5.540		5.540							3.637		3.637			-								
208	Lực lượng Thanh niên Xung phong	472.957		472.957							369.774	2.409	367.366			-								
209	Nhà hát nghệ thuật Phương Nam										2.132	2.132				-								
210	Quân ủy Quân 1										8.456	8.456				-								
211	Quỹ Bảo trì đường bộ thành phố	227.257			227.257						289.771					289.771	-	289.771						
212	Quỹ đầu tư mao hiểm CNC9										138.300	138.300				-								
213	Sở Công thương	92.642		92.642							95.183		95.183			-								
214	Sở Du lịch	66.753		66.753							67.549		67.549			-								
215	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.809.884		2.788.884	21.000						2.631.792		2.613.860			17.932		17.932						
216	Sở Giao thông Vận tải	2.243.632		2.220.788	22.844						2.320.449	6.680	2.304.257			9.512		9.512						
217	Sở Kế hoạch và Đầu tư	78.550		78.550							51.769	2.230	49.539			-								
218	Sở Khoa học và Công nghệ	323.405		323.405							249.609	26	249.583			-								
219	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.103.076		1.092.273	10.803						1.037.566		1.018.418			19.148		19.148						
220	Sở Ngoại vụ	21.850		21.850							26.004		26.004			-								
221	Sở Nội vụ	219.967		219.967							206.275	80.502	125.773			-								
222	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	620.729		620.729							426.436		426.436			-								
223	Sở Quy hoạch Kiến trúc	60.144		60.144							46.009	11.889	34.120			-								
224	Sở Tài chính	167.210		167.210							63.724		63.724			-								
225	Sở Tài nguyên và Môi trường	2.022.310		2.022.310							1.778.906	387	1.778.519			-								
226	Sở Thông tin và Truyền thông	872.634		872.634							341.703		341.703			-								
227	Sở Tư pháp	68.025		68.025							50.830	118	50.712			-								
228	Sở Văn hóa và Thể thao	798.275		798.275							797.008		797.008			-								
229	Sở Xây dựng	2.436.332		2.436.332							2.343.465	95	2.343.370			-								
230	Sở Y tế	949.771		909.229	40.542						1.561.640		1.545.093			16.546		16.546						
231	Thành Đoàn TP.HCM	117.876		117.876							162.395	54.199	108.196			-								
232	Thành thị Thành phố	53.076		53.076							52.931		52.931			-								
233	Thành ủy TP.HCM	985.708		985.708							883.531	27.920	855.611			-								
234	Tòa án Nhân dân	6.768		6.768							17.811		17.811			-								
235	Tòa án Nhân dân cấp cao tại upcm										195		195			-								
236	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên										90.809	90.809				-								
237	Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH một thành viên										4.618	4.618				-								
238	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV	5.000		5.000							5.000		5.000			-								
239	Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên										392	392				-								
240	Trung Tâm bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa TPHCM										24.230	24.230				-								
241	Trung Tâm Công Nghệ Sinh Học TP.HCM										226.640	226.640				-								
242	Trung tâm dạy nghề Nhà Bè										18.294	18.294				-								
243	Trung tâm Dạy nghề Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh										209	209				-								
244	Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh										30.895	30.895				-								
245	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước	24.005		24.005							587.445	583.066	4.378			-								
246	Trung tâm Điều khiển tín hiệu giao thông	1.000		1.000							999		999			-								
247	Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản										10.862	10.862				-								
248	Trung tâm khai thác hạ tầng										7.382	7.382				-								
249	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm										6.079	6.079				-								
250	Trung Tâm Nghiên Cứu Triển Khai Khu Công Nghệ Cao										31.042	31.042				-								
251	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ										35.097	35.097				-								
252	Trung tâm Nghiên cứu và PT-NN- Công nghệ cao										28.763	28.763				-								
253	Trung Tâm Pháp Y Thành Phố										11.050	11.050				-								
254	Trung tâm Phát triển quỹ đất										554		554			-								
255	Trung tâm Quản lý đường hầm sông Sài Gòn										93.492	93.492				-								
256	Trung tâm quản lý đường thủy										150	150				-								

ST T	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
257	Trung tâm quản lý giao thông công cộng									40.975	40.975				-										
258	Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ									562.467	562.467				-										
259	Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh									67.593	67.593				-										
260	Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng									954	954														
261	Trung tâm Thiết kế chế tạo thiết bị mới									512	512														
262	Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ									45	45														
263	Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao									19.766	19.766														
264	Trung tâm văn hóa Hòa Bình Quận 10									5.000	5.000														
265	Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư Tp.HCM	53.009		53.009						80.289		80.289			-										
266	Trung tâm y tế dự phòng thành phố Hồ Chí Minh									43.784	43.784														
267	Trường Đại Học Sài Gòn									14.659	14.659														
268	Trường Cao đẳng giao thông vận tải									65.835	65.835														
269	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức									93	93														
270	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh									100	100														
271	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ									395	395														
272	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh									90	90														
273	Trường Cao Đẳng Nghề TP.HCM									754	754														
274	Trường Đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch									137.506	137.506														
275	Trường Mầm Non Rạng Đông Quận 6									866	866														
276	Trường THCS Lý Phong									80	80														
277	Trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa									202	202														
278	Trường THPT Nam Sài Gòn									3.458	3.458														
279	Trường Trung Cấp Nghề Củ Chi									503	503														
280	Trường Trung cấp nghề KTNV Tôn Đức Thắng	2.400		2.400						3.149		3.149			-										
281	Trường trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương									114	114														
282	Trường trung cấp nghề Quang Trung									225	225														
283	Trường Trung Cấp Xây Dựng									53.298	53.298														
284	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP			42.641						41.189	1.342	39.847			-										
285	Ủy ban nhân dân quận 10									642	642														
286	Ủy ban nhân dân Quận 4									17	17														
287	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	8.506		8.506						7.968		7.968			-										
288	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội TP	836		836						80		80			-										
289	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân TP	47.620		47.620						33.510		33.510			-										
290	Văn phòng HĐND và UBND Quận 7									159	159														
291	Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh									10.857	10.857														
292	Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân Quận 3									112	112														
293	Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân Quận 9									59	59														
294	Văn phòng HĐND-UBND quận Thủ Đức									120	120														
295	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	203.464		203.464						156.474	136	156.338			-										
296	Văn phòng Viện Kiểm sát Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh									6	6														
297	Viện khoa học và công nghệ tính toán									507	507														
298	Viện Kiểm sát Nhân dân	6.080		6.080						6.493		6.493			-										
299	Viện KSNĐ cấp cao tại TP HCM	-		-						197		197			-										

ST T	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
300	Viện nghiên cứu phát triển Tp.HCM	54.052		54.052							41.722		41.722			-									
301	Viện Tim TPHCM										6.107	6.107													
302	Viện Y Dược học Dân tộc										12.155	12.155													
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	1.174.524				1.174.524					1.116.694			1.116.694		-							95,08%		
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	11.400					11.400				11.400			11.400		-							100,00%		
IV	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.021.020						1.021.020			-					-									
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	3.601.975							3.601.975		-					-									
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-									23.948.498					-			23.948.498						
VII	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	18.980.999								18.980.999	23.511.402					-				23.511.402			123,87%		
VII I	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-									175.896					-						175.896			